

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
1	136999	TRẦN ĐÌNH TOÀN	11/01/2005	Nam	1	41.25	
2	137680	NGUYỄN THANH HOÀNG	31/08/2005	Nam	1	40.25	
3	137401	NGÔ ĐÌNH GIA BẢO	28/10/2005	Nam	1	39.5	
4	136900	HOÀNG NGỌC MINH THƯ	10/11/2005	Nữ	1	39.5	
5	137734	NGUYỄN QUỐC HUY	10/12/2005	Nam	1	38.5	
6	138081	NGUYỄN THẢO NGÂN	02/12/2005	Nữ	1	38.5	
7	137353	PHẠM QUỲNH ANH	15/05/2005	Nữ	1	38	
8	137723	LÊ GIA HUY	14/07/2005	Nam	1	38	
9	136364	TRẦN QUANG MINH	21/07/2005	Nam	1	38	
10	138613	HOÀNG THỊ PHỤNG TRÂM	13/11/2005	Nữ	1	37.5	
11	137392	TÔ HỮU BẰNG	19/04/2005	Nam	1	37.25	
12	134580	HOÀNG BẢO NGUYỄN	13/09/2005	Nam	2	37.25	
13	138367	LÊ NGỌC QUANG	21/03/2005	Nam	1	37.25	
14	137635	NGUYỄN ĐỨC HẬU	05/09/2005	Nam	1	37	
15	136190	VĂN CÔNG KHOA	01/08/2005	Nam	1	37	
16	126922	NGUYỄN MINH THÁI	07/02/2005	Nam	1	37	
17	135456	NGUYỄN ĐÀM THẢO VY	13/03/2005	Nữ	2	37	
18	135604	NGUYỄN HOÀNG ANH	11/07/2005	Nam	1	36.75	
19	134391	NGUYỄN ĐỨC MÃN	05/06/2005	Nam	1	36.5	
20	134433	TRẦN HIẾU MINH	16/08/2005	Nữ	2	36.5	
21	134612	THÁI THIÊN NHÂN	04/10/2005	Nam	1	36.5	
22	138077	NGUYỄN ĐẶNG THIÊN NGÂN	29/08/2005	Nữ	1	36.25	
23	90102	VÕ THẢO ANH	25/01/2005	Nữ	2	36	
24	135821	LÊ HUỖNH ĐỨC	06/04/2005	Nam	1	36	
25	127384	PHẠM ĐẠI DƯƠNG	29/03/2005	Nam	1	36	
26	136482	TRẦN BẢO NGỌC	06/06/2005	Nữ	1	36	
27	138289	TRẦN NHẬT PHONG	10/07/2005	Nam	1	36	
28	136726	PHẠM MINH QUYẾT	27/11/2005	Nam	1	36	
29	138417	LÃNG HOÀNG SƠN	25/01/2005	Nam	1	36	
30	137607	NGUYỄN LƯƠNG DIỆP HÂN	27/06/2005	Nữ	1	35.75	
31	127611	NGUYỄN TRUNG KIẾN	02/02/2005	Nam	1	35.75	
32	131811	LA PHƯƠNG NGUYỄN	10/05/2005	Nữ	2	35.75	
33	134961	TRẦN HOÀNG QUỐC THÁI	24/09/2005	Nam	2	35.75	
34	135602	NGUYỄN HÀ THIÊN ANH	23/09/2005	Nữ	1	35.5	
35	133786	LÂM TRẦN THUÝ DIỄM	25/07/2005	Nữ	2	35.5	
36	135888	HÀ NGỌC PHƯƠNG GIANG	19/07/2005	Nữ	1	35.5	
37	137611	NGUYỄN TRẦN GIA HÂN	11/05/2005	Nữ	1	35.5	
38	137678	NGUYỄN HUY HOÀNG	20/05/2005	Nam	1	35.5	
39	134974	NGUYỄN QUỐC THẮNG	22/01/2005	Nam	1	35.5	
40	136875	NGUYỄN TIẾN THỊNH	17/12/2005	Nam	1	35.5	
41	137405	NGUYỄN GIA BẢO	20/01/2005	Nam	1	35.25	
42	136679	ĐỖ THỊ PHƯỢNG	28/02/2005	Nữ	1	35.25	
43	126153	NGUYỄN ANH TUẤN	01/05/2005	Nam	1	35.25	
44	126228	VÕ NGỌC HÀ VY	17/04/2005	Nữ	1	35.25	
45	137960	NGUYỄN MINH LUÂN	23/03/2005	Nam	1	35	
46	138019	PHAN NGUYỄN HOÀNG MINH	15/12/2005	Nam	1	35	
47	138425	NGUYỄN VĂN TÂN TÀI	09/08/2005	Nam	1	35	
48	136002	NGUYỄN THANH NHẬT HOÀNG	09/06/2005	Nam	1	34.75	
49	136451	HOÀNG TRUNG NGHĨA	08/05/2005	Nam	1	34.75	
50	138365	VŨ MINH QUÂN	02/06/2005	Nam	1	34.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
51	126018	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	22/02/2005	Nữ	1	34.75	
52	138767	ĐÀM THẢO VI	29/03/2005	Nữ	1	34.75	
53	127253	NGUYỄN GIA BẢO	22/11/2005	Nam	1	34.5	
54	133759	HOÀNG QUẢNG ĐẠT	28/09/2005	Nam	1	34.5	
55	125613	NGUYỄN MẠNH HUY HOÀNG	01/11/2005	Nam	1	34.5	
56	138023	BÙI THỊ TRÀ MY	25/02/2005	Nữ	1	34.5	
57	138282	VƯƠNG GIA PHÁT	12/10/2005	Nam	1	34.5	
58	138488	LÝ THANH THẢO	20/02/2005	Nữ	1	34.5	
59	133692	ĐẶNG VƯƠNG BÌNH	28/12/2005	Nam	1	34.25	
60	135997	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	06/12/2005	Nam	1	34.25	
61	126620	NGUYỄN LÊ THỊ BẢO LINH	01/11/2005	Nữ	1	34.25	
62	167708	HỒ MINH TỬ	05/11/2005	Nam	1	34.25	
63	137512	NGUYỄN MINH ĐỨC	11/05/2005	Nam	1	34	
64	137850	NGUY TUẤN KIẾT	23/06/2005	Nam	1	34	
65	134311	NGUYỄN TRẦN YẾN LINH	17/08/2005	Nữ	1	34	
66	137912	NGUYỄN THỦY LINH	01/10/2005	Nữ	1	34	
67	125851	LÊ PHÚC NGUYỄN	24/06/2005	Nam	1	34	
68	138711	VÕ MINH TUẤN	25/07/2005	Nam	1	34	
69	137157	ĐÀO THANH VÂN	17/11/2005	Nữ	1	34	
70	133752	ĐỒNG HOÀNG DANH	19/09/2005	Nam	1	33.75	
71	133832	TRỊNH VÕ QUỐC DƯƠNG	16/08/2005	Nam	1	33.75	
72	137736	NGUYỄN QUỐC HUY	13/01/2005	Nam	1	33.75	
73	136406	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	15/02/2005	Nữ	1	33.75	
74	136816	TRẦN THANH THANH	27/11/2005	Nữ	1	33.75	
75	126171	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG UYÊN	12/03/2005	Nữ	1	33.75	
76	134121	NGUYỄN QUANG KHẢI	26/06/2005	Nam	1	33.5	
77	143656	ĐẶNG PHI LONG	04/05/2005	Nam	1	33.5	
78	136970	VŨ HỒNG THỦY TIÊN	07/10/2005	Nữ	1	33.5	
79	138717	NGUYỄN ĐOÀN CÁT TƯỜNG	25/10/2005	Nữ	1	33.5	
80	127161	LÊ NGỌC NHƯ Ý	05/10/2005	Nữ	1	33.5	
81	126317	PHAN TRẦN NGỌC ÁNH	28/10/2005	Nữ	2	33.25	
82	125617	TRẦN HOÀNG	28/03/2005	Nam	2	33.25	
83	134193	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	27/10/2005	Nam	2	33.25	
84	134375	PHẠM THẢO LY	09/07/2005	Nữ	2	33.25	
85	136763	HUỖNH LÊ SƠN	23/01/2005	Nam	1	33.25	
86	138519	PHAN HUYỀN THƠ	12/12/2005	Nữ	1	33.25	
87	135187	DƯƠNG THỊ BẢO TRÂM	18/09/2005	Nữ	2	33.25	
88	138669	HUỖNH LÊ THANH TRÚC	20/12/2005	Nữ	1	33.25	
89	138769	PHẠM TUÔNG VĨ	11/01/2005	Nam	1	33.25	
90	127152	PHẠM THỊ MỸ VY	08/10/2005	Nữ	1	33.25	
91	127499	HOÀNG MẠNH HÙNG	17/01/2005	Nam	2	33	
92	127664	NGUYỄN NGỌC THỦY LINH	01/11/2005	Nữ	2	33	
93	126634	NGUYỄN CAO HỒNG LOAN	27/09/2005	Nữ	2	33	
94	134618	NGUYỄN HỮU NHẬT	04/11/2005	Nam	1	33	
95	129281	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	06/01/2005	Nữ	2	33	
96	126048	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	03/05/2005	Nam	1	33	
97	136892	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	28/02/2005	Nữ	2	33	
98	128219	HOÀNG MINH TRÍ	01/05/2005	Nam	2	33	
99	137102	NGUYỄN THỊ ANH TÚ	25/11/2005	Nữ	2	33	
100	137361	TÔ LÊ PHƯƠNG ANH	16/05/2005	Nữ	2	32.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
101	137374	TRINH LÊ TUẤN ANH	13/01/2005	Nam	1	32.75	
102	127327	NGUYỄN THIÊN ĐẠT	02/09/2005	Nam	2	32.75	
103	135875	TRẦN THANH DUY	07/11/2005	Nam	1	32.75	
104	126521	NGUYỄN THUY KIM HƯƠNG	05/11/2005	Nữ	2	32.75	
105	136280	PHẠM KHÁNH LINH	13/07/2005	Nữ	1	32.75	
106	137910	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	10/12/2005	Nữ	1	32.75	
107	136309	NGUYỄN VŨ MINH LONG	05/11/2005	Nam	1	32.75	
108	127836	PHAN NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	22/02/2005	Nam	2	32.75	
109	136687	NGUYỄN HOÀNG MINH QUÂN	24/10/2005	Nam	1	32.75	
110	134948	PHÙNG QUANG TÂM	27/04/2005	Nam	2	32.75	
111	137067	HỒ LÊ THANH TRÚC	09/07/2005	Nữ	1	32.75	
112	138727	BÙI NGỌC PHƯƠNG UYÊN	19/12/2005	Nữ	1	32.75	
113	137391	NGUYỄN VƯƠNG BẰNG	23/07/2005	Nam	2	32.5	
114	143440	ĐẶNG XUÂN HÀO	07/03/2005	Nam	2	32.5	
115	127464	NGUYỄN MINH HIẾU	03/12/2005	Nam	2	32.5	
116	137644	BIỆN CÔNG HIẾU	19/12/2005	Nam	1	32.5	
117	136001	NGUYỄN MINH HOÀNG	06/08/2005	Nam	2	32.5	
118	142293	NGUYỄN NGÔ CÔNG HÙNG	29/10/2005	Nam	2	32.5	
119	139127	NGUYỄN MINH KHÔI	29/10/2005	Nam	1	32.5	
120	137957	VŨ THIÊN LONG	16/07/2005	Nam	1	32.5	
121	127738	NGUYỄN CÔNG HOÀNG MINH	09/11/2005	Nam	2	32.5	
122	138028	NGUYỄN MINH TRANG MY	17/03/2005	Nữ	1	32.5	
123	125811	VUU MINH NAM	28/09/2005	Nam	1	32.5	
124	139939	TRẦN HÀ THIÊN NGÂN	29/09/2005	Nữ	3	32.5	
125	136540	LÊ THỊ NGỌC NHI	12/04/2005	Nữ	1	32.5	
126	136601	LÊ ĐỨC PHÁT	10/07/2005	Nam	1	32.5	
127	138303	ĐỖ MINH PHÚC	29/10/2005	Nam	1	32.5	
128	134964	TRẦN THỊ THẨM	29/09/2005	Nữ	1	32.5	
129	137088	VÕ ĐỨC TRUNG	23/05/2005	Nam	1	32.5	
130	137297	ĐINH VŨ HOÀNG ANH	11/04/2005	Nữ	1	32.25	
131	135885	TRỊNH KIỀU DUYÊN	15/08/2005	Nữ	1	32.25	
132	133884	NGUYỄN THÁI HÀ	30/09/2005	Nữ	2	32.25	
133	137637	NGUYỄN MAI DIỆU HIỀN	14/07/2005	Nữ	2	32.25	
134	136119	NGUYỄN HOÀNG KHẢI	10/12/2005	Nam	1	32.25	
135	127569	NGUYỄN TUẤN KHANG	23/12/2005	Nam	2	32.25	
136	136322	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LY	11/08/2005	Nữ	1	32.25	
137	138003	LŨ QUANG MINH	09/05/2005	Nam	1	32.25	
138	127772	NGUYỄN HOÀNG NAM	13/03/2005	Nam	2	32.25	
139	138069	ĐƯƠNG THỊ KIM NGÂN	07/07/2005	Nữ	2	32.25	
140	138144	TRẦN ĐÌNH NHƯ NGỌC	19/08/2005	Nữ	2	32.25	
141	126762	LÊ ĐÌNH NHẬT	25/12/2005	Nam	1	32.25	
142	136523	HOÀNG MINH NHẬT	13/05/2005	Nam	2	32.25	
143	134641	LƯU HOÀNG YẾN NHI	01/10/2005	Nữ	2	32.25	
144	134645	NGÔ HÀ LINH NHI	12/08/2005	Nữ	2	32.25	
145	134660	NGUYỄN THIÊN NHI	04/02/2005	Nữ	2	32.25	
146	134670	TRẦN NGỌC UYÊN NHI	07/08/2005	Nữ	2	32.25	
147	134762	ĐOÀN VÕ THIÊN PHÚC	03/12/2005	Nam	2	32.25	
148	136632	MAI NGUYỄN HOÀNG PHÚC	29/10/2005	Nam	2	32.25	
149	138333	BÙI PHẠM THANH PHƯƠNG	01/11/2005	Nam	2	32.25	
150	127975	ĐẶNG KINH QUỐC	21/09/2005	Nam	2	32.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
151	136742	NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ QUỲNH	20/06/2005	Nữ	2	32.25	
152	134980	LÊ NGỌC ĐAN THANH	16/01/2005	Nữ	2	32.25	
153	135014	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	14/09/2005	Nữ	3	32.25	
154	138539	LÊ MINH ANH THU	15/07/2005	Nữ	2	32.25	
155	138676	TRẦN LÊ THANH TRÚC	29/05/2005	Nữ	2	32.25	
156	138708	TRẦN MINH TUẤN	17/06/2005	Nam	2	32.25	
157	138779	VŨ QUỐC VIỆT	09/10/2005	Nam	2	32.25	
158	128314	HUỲNH THỤY HOÀI VY	06/01/2005	Nữ	2	32.25	
159	137238	VÕ THỊ PHƯƠNG VY	05/01/2005	Nữ	2	32.25	
160	126265	HÀ MINH KHÔI ANH	01/11/2005	Nữ	2	32	
161	127244	HUỲNH TIỂU BĂNG	10/02/2005	Nữ	2	32	
162	125450	TRẦN GIA BẢO	02/09/2005	Nam	2	32	
163	135914	LÊ HOÀNG HẢI	13/10/2005	Nam	2	32	
164	133900	CHÂU THỊ NGỌC HÂN	06/10/2005	Nữ	2	32	
165	137609	NGUYỄN PHAN GIA HÂN	20/12/2005	Nữ	1	32	
166	137671	TRƯƠNG MỸ HÒA	30/06/2005	Nữ	2	32	
167	136027	ĐÀM TUẤN HÙNG	11/08/2005	Nam	2	32	
168	137709	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	05/03/2005	Nữ	2	32	
169	136205	NGUYỄN PHẠM MINH KHÔI	11/09/2005	Nam	1	32	
170	134361	PHẠM THÀNH LONG	08/10/2005	Nam	1	32	
171	134377	BUI NGỌC XUÂN MAI	28/06/2005	Nữ	3	32	
172	137980	LƯU TUYẾT MAI	29/07/2005	Nữ	1	32	
173	141055	PHẠM BÌNH MINH	12/12/2005	Nam	2	32	
174	138107	NGUYỄN XUÂN NGHI	23/12/2005	Nữ	1	32	
175	139260	LÊ KHÔI NGUYỄN	19/04/2005	Nam	2	32	
176	136520	TRẦN THIÊN NHÂN	30/06/2005	Nam	2	32	
177	126821	VÕ ĐẠI PHÁT	19/11/2005	Nam	2	32	
178	134773	NGUYỄN LÊ HOÀNG PHÚC	28/08/2005	Nam	1	32	
179	127971	VŨ MINH QUÂN	26/09/2005	Nam	1	32	
180	138393	ĐINH NGỌC TÚ QUỲNH	29/06/2005	Nữ	2	32	
181	126935	LÊ ĐỨC THÀNH	25/06/2005	Nam	2	32	
182	136820	LÊ QUANG THÀNH	20/01/2005	Nam	1	32	
183	135065	LÊ THỊ MINH THU	25/01/2005	Nữ	1	32	
184	137084	NGUYỄN QUỐC TRUNG	13/01/2005	Nam	2	32	
185	138844	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	23/11/2005	Nữ	2	32	
186	135528	LÊ THANH AN	10/04/2005	Nữ	2	31.75	
187	135544	VŨ NGUYỄN THÚY AN	13/12/2005	Nữ	2	31.75	
188	137269	NGUYỄN HOÀI AN	21/09/2005	Nữ	1	31.75	
189	137270	NGUYỄN PHẠM QUỐC AN	10/07/2005	Nam	1	31.75	
190	133961	LÊ GIA HIỀN	06/09/2005	Nam	1	31.75	
191	137676	LÊ HOÀNG	15/01/2005	Nam	1	31.75	
192	127512	LÊ THỊ THANH HƯƠNG	17/02/2005	Nữ	2	31.75	
193	134139	PHAN VIỆT KHANG	17/07/2005	Nam	1	31.75	
194	134234	NGUYỄN TIẾN KIÊN	26/07/2005	Nam	2	31.75	
195	127648	ĐÀO KHÁNH LINH	03/05/2005	Nữ	2	31.75	
196	137889	ĐÀO NHẬT LINH	22/12/2005	Nữ	1	31.75	
197	136355	PHAN KHẢI MINH	23/02/2005	Nam	2	31.75	
198	137994	ĐẶNG NHẬT MINH	04/11/2005	Nam	2	31.75	
199	138118	TRẦN NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	09/11/2005	Nam	1	31.75	
200	138242	ĐOÀN THANH THẢO NHƯ	07/08/2005	Nữ	2	31.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
201	138252	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	27/08/2005	Nữ	2	31.75	
202	138262	NGUYỄN NGỌC MỸ NHUNG	21/07/2005	Nữ	2	31.75	
203	138285	TRƯỜNG CÔNG PHI	11/12/2005	Nam	2	31.75	
204	130738	CAO NGUYỄN HỒNG PHÚC	16/03/2005	Nữ	1	31.75	
205	138380	PHAN QUANG PHÚ QUÝ	04/10/2005	Nam	2	31.75	
206	136799	HOÀNG VŨ THẮNG	04/10/2005	Nam	2	31.75	
207	138475	NGUYỄN TIỀN THÀNH	19/08/2005	Nam	1	31.75	
208	136974	NGUYỄN HỮU TIẾN	26/11/2005	Nam	2	31.75	
209	137005	NGUYỄN MINH THANH TRÂM	13/08/2005	Nữ	2	31.75	
210	138643	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	10/06/2005	Nữ	2	31.75	
211	135271	NGUYỄN THỊ THỰC TRINH	24/08/2005	Nữ	1	31.75	
212	137212	LƯƠNG TRIỆU VY	22/09/2005	Nữ	2	31.75	
213	137276	PHẠM TUẤN AN	05/10/2005	Nam	1	31.5	
214	135586	LÊ QUỲNH ANH	06/03/2005	Nữ	3	31.5	
215	135707	TẠ NGỌC BÌNH	28/11/2005	Nữ	2	31.5	
216	137506	VŨ QUANG DỰ	06/06/2005	Nam	1	31.5	
217	137552	NGUYỄN KHÁNH DUY	01/10/2005	Nam	2	31.5	
218	137562	VÕ KHƯƠNG DUY	24/04/2005	Nam	1	31.5	
219	137582	NGUYỄN NGỌC QUỲNH GIAO	06/09/2005	Nữ	1	31.5	
220	127419	NGUYỄN VĂN HẢI	18/07/2005	Nam	2	31.5	
221	135957	ĐẶNG ANH HẢO	03/11/2005	Nam	2	31.5	
222	125580	NGUYỄN HẬU	05/03/2005	Nam	1	31.5	
223	135985	BÙI THANH TRÚC HOA	05/06/2005	Nữ	2	31.5	
224	137719	HUỲNH ĐỨC HUY	22/11/2005	Nam	1	31.5	
225	137752	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/12/2005	Nữ	2	31.5	
226	136163	TRẦN ĐÌNH KHÁNH	14/02/2005	Nam	1	31.5	
227	137840	NGUYỄN TRUNG KIÊN	05/10/2005	Nam	2	31.5	
228	134238	BÙI ANH KIẾT	09/12/2005	Nam	2	31.5	
229	137870	TRẦN THUY HOÀNG LAM	20/08/2005	Nữ	2	31.5	
230	136275	NGUYỄN THỊ THUY LINH	18/10/2005	Nữ	2	31.5	
231	137926	VÕ NGỌC KHÁNH LINH	18/07/2005	Nữ	1	31.5	
232	141023	HOÀNG NGỌC MAI	18/03/2005	Nữ	2	31.5	
233	138054	PHẠM TRẦN HẢI NAM	16/11/2005	Nữ	2	31.5	
234	138087	THÂN HOÀNG KIM NGÂN	01/04/2005	Nữ	1	31.5	
235	125887	PHÙNG THỊ YẾN NHI	16/01/2005	Nữ	1	31.5	
236	136621	NGUYỄN MINH NHÂN THIÊN PHÚ	13/12/2005	Nam	1	31.5	
237	127936	CAO BÁ PHƯỚC	06/10/2005	Nam	2	31.5	
238	138344	NGUYỄN THUY MAI PHƯƠNG	21/01/2005	Nữ	2	31.5	
239	136686	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	18/11/2005	Nam	1	31.5	
240	138409	TRIỆU NHƯ QUỲNH	10/10/2005	Nữ	1	31.5	
241	126909	PHẠM TUẤN TÀI	03/06/2005	Nam	2	31.5	
242	135016	PHẠM HOÀNG THẢO	27/07/2005	Nữ	2	31.5	
243	135209	NGUYỄN HUỲNH BẢO TRÂN	17/07/2005	Nữ	1	31.5	
244	137022	NGUYỄN NGỌC QUÊ TRÂN	12/02/2005	Nữ	1	31.5	
245	137052	NGUYỄN MINH TRIẾT	09/04/2005	Nam	2	31.5	
246	138670	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG TRÚC	15/02/2005	Nữ	2	31.5	
247	137192	VÕ NGUYỄN VŨ	16/08/2005	Nam	2	31.5	
248	135444	ĐOÀN TRẦN THẢO VY	10/06/2005	Nữ	2	31.5	
249	138795	ĐÌNH LÊ THANH VY	03/02/2005	Nữ	2	31.5	
250	133612	PHẠM TRẦN TRÂM ANH	02/03/2005	Nữ	1	31.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
251	135641	PHẠM THÁI VIỆT ANH	04/12/2005	Nam	2	31.25	
252	137490	TRẦN CHÍ ĐẠT	01/01/2005	Nam	2	31.25	
253	135902	HỒ VIỆT HÀ	27/05/2005	Nữ	3	31.25	
254	135908	TÔ THỊ HỒNG HÀ	11/11/2005	Nữ	2	31.25	
255	133953	HOÀNG THỊ THU HIỀN	04/08/2005	Nữ	2	31.25	
256	135968	THÁI THỊ HIỀN	15/01/2005	Nữ	1	31.25	
257	134101	TRỊNH QUANG HUY	19/05/2005	Nam	2	31.25	
258	136187	TRẦN ANH KHOA	19/08/2005	Nam	2	31.25	
259	137865	LÝ PHỤNG KỶ	18/12/2005	Nữ	1	31.25	
260	137887	BÙI VŨ TRÚC LINH	05/12/2005	Nữ	1	31.25	
261	134416	NGUYỄN PHƯỚC NHẬT MINH	13/12/2005	Nam	2	31.25	
262	136366	TRỊNH HOÀNG BÌNH MINH	04/11/2005	Nữ	2	31.25	
263	138000	LÊ CÔNG MINH	13/01/2005	Nam	2	31.25	
264	138076	NGUYỄN BẢO NGÂN	21/03/2005	Nữ	2	31.25	
265	138196	CHU THỊ YẾN NHI	05/09/2005	Nữ	2	31.25	
266	131896	NGUYỄN THUẬN PHÁT	23/04/2005	Nam	2	31.25	
267	134753	TRẦN VŨ NGỌC PHÚ	04/06/2005	Nam	1	31.25	
268	126844	NHŨ ĐÌNH BẢO PHÚC	10/03/2005	Nam	2	31.25	
269	136650	NGUYỄN ĐỖ THIÊN PHƯỚC	21/05/2005	Nam	2	31.25	
270	136856	PHÙNG PHƯƠNG THẢO	22/03/2005	Nữ	2	31.25	
271	138556	TRẦN NGUYỄN ANH THƯ	08/03/2005	Nữ	2	31.25	
272	92309	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	28/04/2005	Nữ	2	31.25	
273	138817	NGUYỄN NGỌC TUÔNG VY	08/10/2005	Nữ	3	31.25	
274	92358	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	02/08/2005	Nữ	3	31.25	
275	135645	THÂN HOÀNG HẢI ANH	18/10/2005	Nam	1	31	
276	135735	PHẠM ĐÌNH LOAN CHI	25/09/2005	Nữ	1	31	
277	133830	TRẦN ĐỖ KHÁNH DƯƠNG	01/09/2005	Nữ	2	31	
278	133845	NGUYỄN VƯƠNG BẢO DUY	24/08/2005	Nam	2	31	
279	135925	HÀ HUYỀN BẢO HÂN	15/04/2005	Nữ	2	31	
280	126516	NGUYỄN TẠ QUỐC HÙNG	06/04/2005	Nam	1	31	
281	127513	LÊ THU HƯƠNG	13/04/2005	Nữ	2	31	
282	136128	NGUYỄN GIA KHANG	10/12/2005	Nam	2	31	
283	136189	TRẦN ĐĂNG KHOA	19/08/2005	Nam	2	31	
284	125699	HUỲNH TUẤN KIẾT	17/01/2005	Nam	2	31	
285	136262	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	08/09/2005	Nữ	2	31	
286	137923	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	01/05/2005	Nữ	1	31	
287	136296	NGUYỄN HỮU LỘC	05/01/2005	Nam	1	31	
288	136332	TRẦN NGỌC SƯƠNG MAI	02/06/2005	Nữ	2	31	
289	137990	NGUYỄN HẢI MI	12/09/2005	Nữ	2	31	
290	90593	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	25/07/2005	Nữ	2	31	
291	130709	NGUYỄN LÊ TÂM NHƯ	12/12/2005	Nữ	1	31	
292	136583	TRẦN TRANG NHUNG	29/10/2005	Nữ	2	31	
293	142741	VÕ CÔNG PHÚ	10/02/2005	Nam	2	31	
294	127951	NGUYỄN PHẠM THANH PHƯƠNG	09/12/2005	Nữ	2	31	
295	136663	HOÀNG THỊ THU PHƯƠNG	24/05/2005	Nữ	2	31	
296	136668	NGUYỄN NGỌC HOÀI PHƯƠNG	07/10/2005	Nữ	2	31	
297	138359	NGUYỄN MINH QUÂN	14/06/2005	Nam	1	31	
298	136768	TRƯƠNG THỊ THẢO SƯƠNG	21/07/2005	Nữ	2	31	
299	134927	NGUYỄN ÂU THIÊN TÀI	25/05/2005	Nam	2	31	
300	138462	NGUYỄN NGỌC TRANG THANH	16/08/2005	Nữ	2	31	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
301	138489	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	04/08/2005	Nữ	1	31	
302	138495	PHẠM PHƯƠNG THẢO	04/05/2005	Nữ	2	31	
303	138546	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	27/12/2005	Nữ	2	31	
304	128215	PHÙNG TRỊNH PHƯƠNG TRANG	17/06/2005	Nữ	1	31	
305	135240	NGUYỄN TRẦN THẢO TRANG	29/10/2005	Nữ	3	31	
306	135256	VÕ MINH TRÍ	12/03/2005	Nam	2	31	
307	137132	ĐOÀN NGỌC ÁNH TUYẾT	21/01/2005	Nữ	2	31	
308	133591	NGUYỄN MAI ANH	22/06/2005	Nữ	1	30.75	
309	133629	TRẦN THỊ MINH ANH	26/12/2005	Nữ	1	30.75	
310	135577	HOÀNG VÂN ANH	15/07/2005	Nữ	3	30.75	
311	135625	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	15/06/2005	Nữ	2	30.75	
312	137410	NGUYỄN TRẦN KIM BẢO	01/01/2005	Nam	1	30.75	
313	125499	PHẠM DOANH DOANH	18/11/2005	Nữ	1	30.75	
314	137570	LÊ THỊ HỒNG GÁM	22/07/2005	Nữ	2	30.75	
315	133888	PHẠM THU HÀ	09/12/2005	Nữ	2	30.75	
316	133931	TRẦN THU HẰNG	14/02/2005	Nữ	2	30.75	
317	125572	NGUYỄN ANH HÀO	10/11/2005	Nam	2	30.75	
318	135958	HUỖNH ĐƯỜNG ANH HÀO	15/11/2005	Nam	1	30.75	
319	137651	HỒ ĐÌNH HIẾU	23/01/2005	Nam	1	30.75	
320	125605	PHẠM HIẾU HÒA	22/03/2005	Nam	1	30.75	
321	136008	TRẦN VIỆT HOÀNG	31/08/2005	Nam	1	30.75	
322	137712	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	25/01/2005	Nữ	2	30.75	
323	136073	LÊ QUANG HUY	24/01/2005	Nam	1	30.75	
324	134170	CÙ ĐỨC KHOA	27/07/2005	Nam	2	30.75	
325	130484	NGUYỄN TUẤN KIỆT	07/02/2005	Nam	1	30.75	
326	134248	ĐÀO NGỌC KIM	07/12/2005	Nữ	2	30.75	
327	136288	TRẦN PHƯƠNG LINH	08/02/2005	Nữ	2	30.75	
328	137907	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	16/01/2005	Nữ	1	30.75	
329	134446	NGUYỄN HOÀNG GIÁNG MY	02/08/2005	Nữ	2	30.75	
330	134693	NGUYỄN PHẠM ÁNH NHƯ	11/04/2005	Nữ	2	30.75	
331	167421	NGUYỄN TẤN PHÚC	23/01/2005	Nam	2	30.75	
332	138329	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHƯỚC	22/11/2005	Nam	2	30.75	
333	136662	HOÀNG KHÁNH PHƯƠNG	22/03/2005	Nữ	2	30.75	
334	138429	TRƯƠNG MINH TÀI	06/06/2005	Nam	1	30.75	
335	136797	NGUYỄN TRỌNG THÁI	25/07/2005	Nam	1	30.75	
336	135040	TRẦN QUANG THIÊN	22/01/2005	Nam	1	30.75	
337	135127	LÊ THỊ THU THỦY	13/07/2005	Nữ	2	30.75	
338	138583	NGUYỄN VŨ MAI THY	18/09/2005	Nữ	2	30.75	
339	138607	NGUYỄN TRẦN CÔNG TOÀN	06/05/2005	Nam	1	30.75	
340	137077	VŨ HOÀNG XUÂN TRÚC	09/09/2005	Nữ	2	30.75	
341	135309	NGÔ QUANG TRƯỜNG	09/05/2005	Nam	1	30.75	
342	137147	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	04/04/2005	Nữ	2	30.75	
343	137195	VÕ ĐÌNH VƯƠNG	23/02/2005	Nam	1	30.75	
344	138823	NGUYỄN TƯỜNG VY	05/02/2005	Nữ	2	30.75	
345	137313	NGUYỄN CHÂU TRÂM ANH	13/04/2005	Nữ	2	30.5	
346	137382	VŨ THIÊN ANH	06/05/2005	Nam	2	30.5	
347	139678	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	28/06/2005	Nữ	2	30.5	
348	137385	NGUYỄN NGỌC ÁNH	28/09/2005	Nữ	2	30.5	
349	137402	NGÔ GIA BẢO	11/01/2005	Nam	2	30.5	
350	135706	NGUYỄN VĂN THANH BÌNH	24/12/2005	Nam	2	30.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
351	137425	TRẦN NGUYỄN THANH BÌNH	20/02/2005	Nam	1	30.5	
352	135825	NGÔ ANH ĐỨC	04/01/2005	Nam	2	30.5	
353	135834	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	13/06/2005	Nam	2	30.5	
354	137599	ĐẶNG MAI HÂN	21/01/2005	Nữ	2	30.5	
355	135977	LÊ MINH HIẾU	16/03/2005	Nam	2	30.5	
356	137673	ĐẶNG TRÌNH MINH HOÀNG	22/02/2005	Nam	1	30.5	
357	136025	PHẠM VIỆT HÙNG	15/07/2005	Nam	2	30.5	
358	136071	LÊ HOÀNG GIA HUY	21/12/2005	Nam	2	30.5	
359	137742	PHẠM MINH HUY	17/01/2005	Nam	2	30.5	
360	137751	ĐOÀN THỊ HUYỀN	29/10/2005	Nữ	1	30.5	
361	134222	VŨ TRẦN ĐĂNG KHÔI	24/09/2005	Nam	1	30.5	
362	137838	ĐẶNG BẢO KHƯƠNG	04/06/2005	Nam	2	30.5	
363	134317	TRẦN NGUYỄN KHÁNH LINH	01/06/2005	Nữ	2	30.5	
364	137940	CAO PHI LONG	17/01/2005	Nam	2	30.5	
365	134451	PHẠM TRANG MY	25/04/2005	Nữ	2	30.5	
366	91147	THÂN TRẦN THIÊN NGÀ	24/04/2005	Nữ	2	30.5	
367	138071	LÊ THỊ KIM NGÂN	15/01/2005	Nữ	1	30.5	
368	138103	NGUYỄN NGỌC NAM NGHI	08/08/2005	Nữ	1	30.5	
369	136456	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	06/06/2005	Nam	2	30.5	
370	134656	NGUYỄN NGUYỄN YÊN NHI	22/02/2005	Nữ	2	30.5	
371	138229	TRẦN NGỌC NHI	10/09/2005	Nữ	1	30.5	
372	136706	TRẦN HOÀNG MINH QUANG	22/08/2005	Nam	1	30.5	
373	138436	NGUYỄN TỬ TÂM	04/06/2005	Nữ	2	30.5	
374	126942	HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO	07/09/2005	Nữ	2	30.5	
375	135015	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	27/03/2005	Nữ	1	30.5	
376	138509	CAO MINH TRƯỜNG THỊNH	08/06/2005	Nam	1	30.5	
377	138510	HỒ HỮU THỊNH	28/11/2005	Nam	1	30.5	
378	136926	TRẦN HOÀNG ANH THU	08/03/2005	Nữ	2	30.5	
379	136955	KIỀU KIM THY	06/02/2005	Nữ	2	30.5	
380	127080	VÕ THỊ NGỌC TÚ	18/09/2005	Nữ	1	30.5	
381	138716	LÊ THANH TÙNG	28/10/2005	Nam	2	30.5	
382	128335	PHAN NHẬT THẢO VY	12/06/2005	Nữ	2	30.5	
383	137230	PHẠM THỊ TRIỆU VY	25/08/2005	Nữ	1	30.5	
384	127179	LÊ THÁI AN	11/08/2005	Nữ	1	30.25	
385	135574	HÀ NGUYỄN QUỲNH ANH	30/11/2005	Nữ	1	30.25	
386	137344	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	20/02/2005	Nữ	2	30.25	
387	133676	PHẠM DUY BẢO	01/01/2005	Nam	3	30.25	
388	133712	NGUYỄN LÊ MINH CHÂU	21/08/2005	Nữ	2	30.25	
389	135724	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG CHÂU	14/10/2005	Nữ	2	30.25	
390	137474	TRƯỜNG HOÀN DANH	27/06/2005	Nam	2	30.25	
391	137584	TRƯỜNG NGỌC GIÀU	22/12/2005	Nữ	2	30.25	
392	135935	QUANG GIA HÂN	13/04/2005	Nữ	2	30.25	
393	133990	HỒ PHAN MỸ HOA	20/12/2005	Nữ	3	30.25	
394	135987	LAI DINH HOA	11/08/2004	Nữ	2	30.25	
395	135999	NGUYỄN LÊ PHỤNG HOÀNG	06/03/2005	Nữ	2	30.25	
396	105640	PHAN NHẬT HUY	25/01/2005	Nam	3	30.25	
397	136100	TRƯỜNG GIA HUY	22/12/2005	Nam	2	30.25	
398	137761	VÕ HOÀNG MINH KHA	28/06/2005	Nam	2	30.25	
399	127597	ĐỖ TRẦN DUY KHÔI	23/08/2005	Nam	1	30.25	
400	137841	NGUYỄN TRUNG KIÊN	16/05/2005	Nam	2	30.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
401	136229	TRẦN HỒ THIÊN KIM	06/03/2005	Nữ	2	30.25	
402	134387	TRẦN QUỲNH MAI	26/07/2005	Nữ	2	30.25	
403	125790	NGUYỄN NGỌC MINH	05/11/2005	Nữ	1	30.25	
404	127751	NGUYỄN HUYỀN MY	20/02/2005	Nữ	1	30.25	
405	136386	NGUYỄN NHƯ MỸ	08/09/2005	Nam	2	30.25	
406	138067	ĐINH THỊ NGÂN	17/09/2005	Nữ	1	30.25	
407	138072	LÊ THỊ THANH NGÂN	25/03/2005	Nữ	3	30.25	
408	136529	TRIỆU MINH NHẬT	23/09/2005	Nam	2	30.25	
409	138201	ĐỖ VŨ YẾN NHI	15/06/2005	Nữ	2	30.25	
410	138357	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	30/06/2005	Nam	2	30.25	
411	138361	NGUYỄN THỂ QUÂN	27/11/2005	Nam	2	30.25	
412	138397	NGUYỄN BẢO QUỲNH	17/04/2005	Nữ	2	30.25	
413	138447	NGUYỄN HUỲNH ANH TẤN	18/11/2004	Nam	1	30.25	
414	136873	LÊ PHƯỚC THỊNH	29/03/2005	Nam	1	30.25	
415	136891	MAI MINH THU	14/09/2004	Nữ	1	30.25	
416	129473	TẠ QUANG TRUNG	28/08/2005	Nam	1	30.25	
417	138683	NGUYỄN BẠCH LIÊN TRƯỜNG	05/08/2005	Nam	2	30.25	
418	135323	PHAN CẨM TÚ	21/05/2005	Nữ	2	30.25	
419	135345	PHAN MINH TUẤN	22/02/2005	Nam	1	30.25	
420	125414	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	21/06/2005	Nữ	1	30	
421	135567	ĐỖ CAO QUỐC ANH	09/11/2005	Nam	2	30	
422	137449	NGUYỄN THÀNH CHUNG	21/01/2005	Nam	3	30	
423	135759	HOÀNG LINH ĐAN	03/08/2005	Nữ	1	30	
424	137469	ĐẶNG HUY DANH	19/08/2005	Nam	1	30	
425	135851	DƯƠNG VĂN ĐƯỢC	10/05/2005	Nam	1	30	
426	127458	NGUYỄN THÀNH HIỆP	01/10/2005	Nam	2	30	
427	134022	TRẦN THỊ BẠCH HUỆ	01/05/2005	Nữ	1	30	
428	137720	HUỲNH NHẬT HUY	09/08/2005	Nam	1	30	
429	137750	CAO THỊ HUYỀN	11/05/2005	Nữ	2	30	
430	137791	NGUYỄN KHÁNH	22/10/2005	Nam	2	30	
431	137970	NGUYỄN ĐẶNG THẢO LY	26/08/2005	Nữ	1	30	
432	137982	LỤC LÊ KHẢ MÃN	11/10/2005	Nữ	2	30	
433	137985	VŨ MINH MÃN	14/03/2005	Nam	2	30	
434	134417	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	29/11/2005	Nữ	2	30	
435	125908	NGÔ NGUYỄN MINH NHỰT	24/06/2005	Nam	1	30	
436	136609	NGUYỄN VĂN TẤN PHÁT	15/01/2005	Nam	2	30	
437	125949	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	04/05/2005	Nam	2	30	
438	136708	LÊ GIA QUỐC	27/07/2005	Nam	2	30	
439	134887	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	08/11/2005	Nữ	1	30	
440	138392	CHU THỊ NHƯ QUỲNH	22/11/2005	Nữ	1	30	
441	126910	TRẦN TẤN TÀI	16/12/2005	Nam	1	30	
442	136948	LÊ NGỌC THANH THÙY	01/11/2005	Nữ	2	30	
443	138574	HUỲNH NGỌC XUÂN THÙY	29/07/2005	Nữ	2	30	
444	126995	CHÂU NGỌC THUYỀN	20/08/2005	Nữ	1	30	
445	138704	PHẠM MINH TUẤN	27/03/2005	Nam	2	30	
446	137154	TRẦN THỊ PHƯƠNG UYÊN	24/08/2005	Nữ	2	30	
447	137171	ĐẶNG QUỐC VIỆT	09/11/2005	Nam	2	30	
448	138798	ĐỖ TƯỜNG VY	16/08/2005	Nữ	2	30	
449	138849	TỬ NGỌC NHƯ Ý	18/04/2005	Nữ	2	30	
450	135510	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	24/07/2005	Nữ	2	30	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
451	126302	PHẠM NGUYỄN TUẤN ANH	06/10/2005	Nam	1	29.75	
452	137291	BÙI LÊ MINH ANH	03/06/2005	Nữ	2	29.75	
453	137309	LÊ THỊ VÂN ANH	19/07/2005	Nữ	1	29.75	
454	133646	NGUYỄN MINH NGỌC ÁNH	06/11/2005	Nữ	2	29.75	
455	135737	NGUYỄN NHỰT CHIÊU	02/03/2005	Nam	3	29.75	
456	142168	NGUYỄN QUỲNH DUNG	16/04/2005	Nữ	2	29.75	
457	137533	TRỊNH HOÀNG DŨNG	02/02/2005	Nam	1	29.75	
458	137629	NGÔ THỊ MỸ HẠNH	27/10/2005	Nữ	1	29.75	
459	137659	NGUYỄN TRUNG HIẾU	10/07/2005	Nam	2	29.75	
460	137662	PHẠM MẠNH HIẾU	25/04/2005	Nam	1	29.75	
461	134077	NGUYỄN ĐỨC HUY	10/03/2005	Nam	2	29.75	
462	137756	NGUYỄN TRÚC HUỖNH	05/11/2005	Nữ	2	29.75	
463	127584	VŨ HOÀNG KIM KHÁNH	24/09/2005	Nữ	2	29.75	
464	127634	NGUYỄN THỊ MAI LAN	05/06/2005	Nữ	1	29.75	
465	136252	BÙI NHẬT LINH	19/08/2005	Nữ	2	29.75	
466	134335	NGUYỄN TRẦN KIM LỘC	09/11/2005	Nữ	2	29.75	
467	137934	NGUYỄN HOÀNG LỘC	19/12/2005	Nam	2	29.75	
468	134413	NGÔ QUANG MINH	04/10/2005	Nam	2	29.75	
469	134467	NGUYỄN TRẦN NHẬT NAM	27/12/2005	Nam	1	29.75	
470	136427	PHẠM TRẦN DIỆU NGÂN	24/11/2005	Nữ	1	29.75	
471	138075	NGÔ THỊ KIM NGÂN	15/04/2005	Nữ	2	29.75	
472	126715	ĐỖ TRỌNG NGHĨA	20/09/2005	Nam	1	29.75	
473	138193	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG NHI	30/09/2005	Nữ	2	29.75	
474	138220	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	08/11/2005	Nữ	2	29.75	
475	136606	NGUYỄN THANH PHÁT	09/02/2005	Nam	3	29.75	
476	138389	NGUYỄN MINH QUYỀN	10/08/2005	Nam	2	29.75	
477	138402	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	03/07/2005	Nữ	2	29.75	
478	138422	HUỖNH TẤN TÀI	13/10/2005	Nam	1	29.75	
479	138445	NGUYỄN QUỐC TÂN	28/11/2005	Nam	1	29.75	
480	128082	PHÙNG THỊ PHƯƠNG THẢO	06/05/2005	Nữ	2	29.75	
481	136843	LƯƠNG NGUYỄN HIỀN THẢO	05/04/2005	Nữ	2	29.75	
482	138516	VŨ KHANG THỊNH	26/10/2005	Nam	1	29.75	
483	138523	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	19/12/2005	Nữ	1	29.75	
484	136966	TRẦN NGỌC TIỀN	04/07/2005	Nữ	3	29.75	
485	137055	NGUYỄN HẢI TRIỀU	15/11/2005	Nam	1	29.75	
486	138672	NGUYỄN MINH HỒNG TRÚC	25/07/2005	Nữ	1	29.75	
487	129474	ĐẶNG VŨ HOÀNG TRƯỞNG	22/04/2005	Nam	1	29.75	
488	138695	NGUYỄN TRƯỞNG CẨM TÚ	20/05/2005	Nữ	2	29.75	
489	138745	NGUYỄN THU UYÊN	15/08/2005	Nữ	1	29.75	
490	138838	LÊ THỊ MINH XUÂN	22/02/2005	Nữ	2	29.75	
491	144237	VÕ NGỌC NHƯ Ý	27/05/2005	Nữ	3	29.75	
492	126251	NGUYỄN THỊ AN	18/08/2005	Nữ	1	29.5	
493	133590	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG ANH	17/10/2005	Nữ	2	29.5	
494	133631	TRỊNH TUẤN ANH	26/10/2005	Nam	2	29.5	
495	137399	LÊ HOÀNG BẢO	12/06/2005	Nam	1	29.5	
496	137404	NGUYỄN ĐẶNG QUỐC BẢO	20/10/2005	Nam	1	29.5	
497	137422	PHAN VĂN BÌNH	10/03/2005	Nam	1	29.5	
498	135731	ĐỖ KHÁNH CHI	13/05/2005	Nữ	2	29.5	
499	135880	ĐINH HOÀNG KIM DUYÊN	27/11/2005	Nữ	1	29.5	
500	135920	VÕ THỊ KIM HẢI	16/09/2005	Nữ	3	29.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
501	128636	PHAN MINH HANH	09/08/2005	Nữ	3	29.5	
502	137689	PHẠM HUỲNH XUÂN HỒNG	06/03/2005	Nữ	2	29.5	
503	137696	LIU QUỐC HÙNG	21/07/2005	Nam	1	29.5	
504	136114	NGUYỄN KENNY	12/05/2005	Nam	2	29.5	
505	136122	TRẦN QUANG KHẢI	20/04/2005	Nam	2	29.5	
506	126651	NGUYỄN THỊ LY LY	15/12/2005	Nữ	3	29.5	
507	126692	LÊ THÚY NGÀ	14/04/2005	Nữ	1	29.5	
508	138182	VŨ TRỌNG NHÂN	23/06/2005	Nam	2	29.5	
509	134740	NGUYỄN VŨ HOÀNG PHONG	16/06/2005	Nam	1	29.5	
510	125928	ĐÀO XUÂN PHÚ	16/12/2005	Nam	1	29.5	
511	136631	LÃ ĐÌNH PHÚC	17/12/2005	Nam	2	29.5	
512	138331	TRỊNH XUÂN PHƯỚC	06/03/2005	Nam	2	29.5	
513	136824	NGUYỄN ĐẠT THÀNH	26/12/2005	Nam	3	29.5	
514	170010	NGUYỄN LÊ THỦY TIẾN	10/11/2005	Nữ	1	29.5	
515	136975	NGUYỄN MẠNH TIẾN	05/10/2005	Nam	2	29.5	
516	138712	VÕ MINH TUÂN	26/06/2005	Nam	2	29.5	
517	137178	TRẦN QUANG VINH	25/11/2005	Nam	2	29.5	
518	127134	NGUYỄN TRỌNG VŨ	03/12/2005	Nam	2	29.5	
519	106451	VÕ NGỌC HẢI YẾN	09/02/2005	Nữ	2	29.5	
520	128363	HỒ QUỐC AN	11/04/2005	Nam	1	29.25	
521	142031	PHẠM QUỲNH ANH	20/10/2005	Nữ	3	29.25	
522	126327	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	28/04/2005	Nam	3	29.25	
523	137393	ĐINH SỸ CHÍ BẢO	13/08/2005	Nam	2	29.25	
524	165651	VŨ LÊ GIA BẢO	13/07/2005	Nam	3	29.25	
525	137442	BÙI PHẠM KIM CHI	22/12/2005	Nữ	2	29.25	
526	137528	NGUYỄN TRÍ DŨNG	27/12/2005	Nam	1	29.25	
527	135856	NGUYỄN MINH DƯƠNG	04/04/2005	Nữ	2	29.25	
528	137688	LÊ THANH HỒNG	30/07/2005	Nữ	3	29.25	
529	128719	ĐẶNG GIA HUY	18/09/2005	Nam	1	29.25	
530	136120	NGUYỄN LÊ HOÀNG KHẢI	04/09/2005	Nam	2	29.25	
531	162979	VÕ XUÂN KIẾN	04/12/2005	Nam	2	29.25	
532	127626	HUỲNH NGUYỄN BẢO LÂM	25/11/2005	Nam	1	29.25	
533	138012	NGUYỄN QUANG MINH	13/10/2005	Nam	1	29.25	
534	139909	HUỲNH ANH MINH	03/07/2005	Nam	2	29.25	
535	136374	LÊ HUỲNH BẢO MY	09/11/2005	Nữ	2	29.25	
536	138042	LÊ HOÀNG PHƯƠNG NAM	21/08/2005	Nam	1	29.25	
537	163176	TRẦN NGUYỄN HOÀI NAM	04/06/2005	Nam	1	29.25	
538	127802	TRẦN THỊ TUYẾT NGÂN	09/06/2005	Nữ	2	29.25	
539	134513	NGUYỄN THUY ĐÔNG NGHI	26/04/2005	Nữ	1	29.25	
540	134518	TRƯỜNG VÕ PHƯƠNG NGHI	16/02/2005	Nữ	2	29.25	
541	138165	NGUYỄN TRẦN KHÔI NGUYỄN	25/09/2005	Nam	1	29.25	
542	129030	LÝ THỰC NHÂN	19/06/2004	Nữ	1	29.25	
543	134779	TRỊNH GIA PHÚC	01/06/2005	Nam	1	29.25	
544	136639	PHẠM NGUYỄN KIM PHÚC	19/09/2005	Nữ	1	29.25	
545	136674	TRẦN HOÀNG NAM PHƯƠNG	20/10/2005	Nữ	2	29.25	
546	134822	TRƯỜNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	26/04/2005	Nữ	2	29.25	
547	138408	TRẦN LÂM NHƯ QUỲNH	06/02/2005	Nữ	2	29.25	
548	136844	LƯƠNG THANH THẢO	21/08/2005	Nữ	2	29.25	
549	143997	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/05/2005	Nữ	3	29.25	
550	128104	NGUYỄN MAI HOÀNG THỌ	29/10/2005	Nam	1	29.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
551	128111	LÝ MINH THƯ	09/06/2005	Nữ	1	29.25	
552	135121	NGUYỄN MINH THUẬN	15/01/2005	Nam	2	29.25	
553	137038	NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG	24/03/2005	Nữ	3	29.25	
554	138636	ĐỖ THUY TRANG	03/05/2005	Nữ	2	29.25	
555	138639	LÊ PHẠM HUYỀN TRANG	14/10/2005	Nữ	2	29.25	
556	138755	ĐÀM THẢO VÂN	29/03/2005	Nữ	1	29.25	
557	127162	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	10/08/2005	Nữ	2	29.25	
558	126260	ĐÀO THẾ ANH	01/06/2005	Nam	3	29	
559	135648	TRẦN MAI ANH	06/02/2005	Nữ	1	29	
560	137293	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	08/08/2005	Nữ	2	29	
561	137331	NGUYỄN NGỌC LAN ANH	18/11/2005	Nữ	1	29	
562	137586	ĐÀO QUỐC SƠN HÀ	31/10/2005	Nam	1	29	
563	140671	LÊ MINH HOÀN	01/09/2005	Nam	2	29	
564	134005	NGÔ NHẬT HOÀNG	16/12/2005	Nam	2	29	
565	137699	LÊ MINH HÙNG	10/02/2005	Nam	1	29	
566	136093	TRẦN GIA HUY	25/11/2005	Nam	1	29	
567	136123	BÙI VĨNH KHANG	13/04/2005	Nam	2	29	
568	137938	TRẦN XUÂN LỘC	30/07/2005	Nam	3	29	
569	137981	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG MAI	22/10/2005	Nữ	2	29	
570	127732	BÙI THIÊN MINH	07/09/2005	Nam	2	29	
571	134472	HỒ THỊ THÚY NGÀ	22/09/2005	Nữ	2	29	
572	142578	LÊ THỊ KIM NGÂN	12/05/2004	Nữ	1	29	
573	138102	NGUYỄN NGỌC BẢO NGHI	26/05/2005	Nữ	1	29	
574	138248	LÝ NGỌC TÂM NHƯ	11/07/2005	Nữ	2	29	
575	136660	HỒ NGỌC TUYẾT PHƯƠNG	27/04/2005	Nữ	3	29	
576	138375	NGUYỄN VŨ ĐÌNH QUỐC	21/11/2005	Nam	2	29	
577	136750	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	06/09/2005	Nữ	2	29	
578	138431	LÊ THÁI DUY TÂM	27/03/2005	Nam	1	29	
579	136930	TRẦN THÁI MINH THƯ	31/07/2005	Nữ	3	29	
580	138529	DƯƠNG ANH THƯ	18/10/2005	Nữ	1	29	
581	138642	NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG	28/01/2005	Nữ	2	29	
582	138649	TÔNG THỊ THUY TRANG	02/05/2005	Nữ	2	29	
583	138715	LÊ ĐÌNH TÙNG	13/10/2005	Nam	2	29	
584	137152	TRẦN MỸ UYÊN	19/07/2005	Nữ	3	29	
585	135388	HOÀNG THỊ MAI VÂN	30/09/2005	Nữ	2	29	
586	137159	NGUYỄN ĐÀO HẰNG VÂN	18/02/2005	Nữ	1	29	
587	137182	LÊ NGỌC HOÀNG VŨ	13/06/2005	Nam	1	29	
588	135488	TRẦN THẢO VY	10/12/2005	Nữ	3	29	
589	140199	TRIỀU VY	18/07/2005	Nữ	2	29	
590	126235	ĐỖ HOÀI NHƯ Ý	09/07/2005	Nữ	1	29	
591	137252	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	18/03/2004	Nữ	1	29	
592	128364	LÊ TRẦN THANH AN	13/03/2005	Nữ	2	28.75	
593	135552	NGUYỄN HỒNG ÂN	30/08/2005	Nam	2	28.75	
594	135578	HUỲNH NHẬT MINH ANH	13/03/2005	Nữ	2	28.75	
595	137303	HỨA NGỌC QUỲNH ANH	14/04/2005	Nữ	2	28.75	
596	135712	VŨ THÀNH CÁT	24/06/2005	Nam	2	28.75	
597	133707	DƯƠNG BẢO CHÂU	11/04/2005	Nữ	1	28.75	
598	127318	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/03/2005	Nam	2	28.75	
599	137525	NGUYỄN MẠNH DŨNG	25/07/2005	Nam	2	28.75	
600	135939	TRẦN THỤY NGỌC HÂN	05/09/2005	Nữ	3	28.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
601	137697	TRẦN KIM HÙNG	14/05/2005	Nam	1	28.75	
602	137706	ĐẶNG MAI HƯỜNG	04/06/2005	Nữ	1	28.75	
603	136103	VŨ QUANG HUY	07/01/2005	Nam	2	28.75	
604	136164	ĐẶNG GIA KHIÊM	01/09/2005	Nam	1	28.75	
605	126601	VÕ NGUYỄN KIẾT	27/10/2005	Nam	2	28.75	
606	125715	NGUYỄN NGỌC XUYỀN LAN	12/12/2005	Nữ	1	28.75	
607	127660	NGÔ THỊ KHÁNH LINH	02/09/2005	Nữ	2	28.75	
608	137925	VÕ NGỌC ÁNH LINH	07/08/2005	Nữ	3	28.75	
609	128883	BUI ĐỨC LƯƠNG	28/06/2004	Nam	2	28.75	
610	136319	NGUYỄN THỊ UYÊN LY	16/06/2005	Nữ	1	28.75	
611	136342	NGÔ LÂM HIỀN MINH	14/09/2005	Nam	2	28.75	
612	136343	NGUYỄN ĐÌNH QUANG MINH	07/02/2005	Nam	2	28.75	
613	138050	NGUYỄN QUỐC NAM	11/01/2005	Nam	2	28.75	
614	125814	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	11/12/2005	Nữ	2	28.75	
615	126691	LÊ THỊ HỒNG NGA	29/03/2005	Nữ	2	28.75	
616	127780	ĐƯƠNG THỊ THÚY NGA	23/04/2005	Nữ	2	28.75	
617	136468	NGUYỄN HỒNG NGỌC	08/04/2005	Nữ	2	28.75	
618	136478	PHẠM KIM HỒNG NGỌC	12/03/2005	Nữ	2	28.75	
619	127834	LÊ TRIỆU THẢO NGUYỄN	17/02/2005	Nữ	2	28.75	
620	136490	ĐẶNG BUI ANH NGUYỄN	30/09/2005	Nam	1	28.75	
621	174396	ĐẶNG QUỐC NHÂN	22/10/2005	Nam	1	28.75	
622	138272	LÊ ĐỨC PHÁT	27/02/2005	Nam	2	28.75	
623	136636	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	31/10/2005	Nam	2	28.75	
624	126876	VƯƠNG TÚ QUYÊN	26/08/2005	Nữ	2	28.75	
625	136753	VŨ NHƯ QUỲNH	09/10/2005	Nữ	1	28.75	
626	136773	NGUYỄN LÊ TÀI	23/01/2005	Nam	1	28.75	
627	136794	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	07/11/2005	Nam	1	28.75	
628	126961	BUI THỊ THU	25/03/2005	Nữ	1	28.75	
629	126055	LÊ MINH THƯ	18/06/2005	Nữ	2	28.75	
630	136935	VÕ NGỌC ANH THƯ	05/06/2005	Nữ	1	28.75	
631	138579	ĐỖ MINH THY	14/10/2005	Nữ	2	28.75	
632	137023	NGUYỄN PHẠM BẢO TRẦN	24/03/2005	Nữ	3	28.75	
633	138640	MAI THỊ HUYỀN TRANG	08/02/2005	Nữ	3	28.75	
634	129563	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG VŨ	31/12/2004	Nam	2	28.75	
635	126202	ĐƯƠNG THỊ THẢO VY	13/04/2005	Nữ	2	28.75	
636	130041	VĂN KHÁNH VY	23/03/2005	Nữ	2	28.75	
637	135487	TÔN NỮ TƯỜNG VY	17/08/2005	Nữ	1	28.75	
638	128372	TRẦN HOÀI AN	29/04/2005	Nữ	2	28.5	
639	135554	NGUYỄN THIÊN ÂN	02/02/2005	Nam	1	28.5	
640	126269	LÊ ĐỨC ANH	15/04/2005	Nam	2	28.5	
641	135573	HÀ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	10/01/2005	Nữ	2	28.5	
642	135624	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	19/04/2005	Nữ	2	28.5	
643	126322	ĐẶNG VŨ BẰNG	17/11/2005	Nam	2	28.5	
644	137431	ĐƯƠNG HIỀN HỒNG CHÂU	18/12/2005	Nữ	1	28.5	
645	137453	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH CÔNG	12/02/2005	Nam	1	28.5	
646	126385	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	31/07/2005	Nam	1	28.5	
647	135786	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	02/08/2005	Nam	2	28.5	
648	137510	NGUYỄN ANH ĐỨC	03/11/2005	Nam	1	28.5	
649	135941	TRƯƠNG BẢO HÂN	16/02/2005	Nữ	3	28.5	
650	137603	LÊ NGUYỄN HÂN HÂN	19/05/2005	Nữ	2	28.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
651	137625	PHẠM MỸ HẰNG	28/07/2005	Nữ	3	28.5	
652	125621	VŨ VIỆT HOÀNG	04/03/2005	Nam	1	28.5	
653	127505	NGUYỄN MINH HÙNG	14/07/2005	Nam	2	28.5	
654	134172	ĐẶNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA	01/01/2005	Nam	1	28.5	
655	136193	LA NGUYỄN KHÔI	20/02/2005	Nam	1	28.5	
656	137878	TRƯƠNG TRÍ LÂM	19/03/2005	Nam	1	28.5	
657	137879	BÙI NGUYỄN NGỌC LAN	27/05/2005	Nữ	1	28.5	
658	137902	NGUYỄN KHÁNH LINH	17/11/2005	Nữ	2	28.5	
659	134346	HOÀNG VŨ THẾ LONG	10/10/2005	Nam	1	28.5	
660	136303	NGUYỄN DUY LONG	17/02/2005	Nam	2	28.5	
661	136311	TRẦN HUỖNH DUY LONG	16/03/2005	Nam	3	28.5	
662	138007	NGUYỄN ĐỨC MINH	15/07/2005	Nam	1	28.5	
663	136389	NGUYỄN KIỀU NA	21/11/2005	Nữ	1	28.5	
664	136403	PHAN HOÀNG NAM	15/11/2005	Nam	2	28.5	
665	136474	NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGỌC	02/10/2005	Nữ	2	28.5	
666	136525	NGUYỄN HOÀNG MINH NHẬT	19/11/2005	Nam	2	28.5	
667	138183	ĐẶNG MINH NHẬT	11/09/2005	Nam	2	28.5	
668	136569	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	17/11/2005	Nữ	2	28.5	
669	136571	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	14/12/2005	Nữ	2	28.5	
670	136684	NGUYỄN ANH QUÂN	24/08/2005	Nam	1	28.5	
671	138374	NGUYỄN ANH QUỐC	26/03/2005	Nam	1	28.5	
672	136800	LÊ ĐỨC THẮNG	20/06/2005	Nam	2	28.5	
673	138463	NGUYỄN VŨ THANH	15/01/2005	Nam	2	28.5	
674	134996	NGUYỄN VŨ TRỌNG THÀNH	22/10/2005	Nam	1	28.5	
675	138502	VŨ THỊ THU THẢO	08/06/2005	Nữ	1	28.5	
676	126956	LÊ THÁI HUNG THỊNH	05/11/2005	Nam	2	28.5	
677	128114	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	06/08/2005	Nữ	3	28.5	
678	138567	PHẠM MINH THỨC	20/06/2005	Nam	1	28.5	
679	128165	NGUYỄN TÂN TIẾN	21/10/2005	Nam	2	28.5	
680	137014	TRẦN THỊ THU TRÂM	02/05/2005	Nữ	1	28.5	
681	138633	VÕ PHẠM MAI TRẦN	04/06/2005	Nữ	2	28.5	
682	137219	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	19/09/2005	Nữ	2	28.5	
683	126231	HUỖNH TRÍ VỸ	21/09/2004	Nam	1	28.5	
684	135537	NGUYỄN VĨ AN	11/09/2005	Nam	2	28.25	
685	135562	CAO TUẤN ANH	22/12/2005	Nam	1	28.25	
686	135563	ĐÀO HÀ KIỀU ANH	23/12/2005	Nữ	2	28.25	
687	135662	VŨ TIẾN ANH	20/08/2005	Nam	2	28.25	
688	137390	NGUYỄN TRỌNG ĐỖ BẰNG	27/11/2005	Nam	2	28.25	
689	128455	NGUYỄN QUỐC BẢO	10/05/2005	Nam	3	28.25	
690	135721	NGUYỄN HOÀNG CHÂU	05/09/2005	Nữ	2	28.25	
691	126358	TRƯƠNG QUANG CHUNG	19/01/2005	Nam	2	28.25	
692	137539	TÔ ÁNH DƯƠNG	15/02/2005	Nữ	2	28.25	
693	135879	BÙI MỸ DUYÊN	03/11/2005	Nữ	1	28.25	
694	137585	NGUYỄN THỊ MAI GƯƠNG	20/02/2005	Nữ	2	28.25	
695	127410	ĐINH THỊ MỸ HÀ	27/05/2005	Nữ	1	28.25	
696	143430	NGUYỄN THỊ MAI HÂN	13/11/2005	Nữ	2	28.25	
697	136051	PHAN THỊ QUỲNH HƯƠNG	12/06/2005	Nữ	1	28.25	
698	128739	TRỊNH QUANG HUY	04/08/2005	Nam	2	28.25	
699	136089	PHẠM ANH HUY	06/03/2005	Nam	3	28.25	
700	137714	ĐỖ HOÀNG HUY	06/10/2005	Nam	2	28.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
701	127568	LÊ VĂN KHANG	17/04/2005	Nam	1	28.25	
702	136142	VÕ HOÀNG KHANG	18/09/2005	Nam	1	28.25	
703	137828	HUỖNH LÊ MINH KHÔI	28/02/2005	Nam	1	28.25	
704	134228	BÙI BĂNG KHƯƠNG	01/01/2005	Nam	1	28.25	
705	134242	LÊ TUẤN KIẾT	07/06/2005	Nam	1	28.25	
706	136270	NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	26/03/2005	Nữ	3	28.25	
707	136284	TRẦN ÁNH LINH	07/09/2005	Nữ	2	28.25	
708	136305	NGUYỄN HOÀNG PHI LONG	15/03/2005	Nam	1	28.25	
709	137964	PHẠM THẾ LỰC	27/04/2005	Nam	2	28.25	
710	137978	LÊ NGUYỄN HOÀNG MAI	18/01/2005	Nữ	2	28.25	
711	126671	NGUYỄN CÔNG MINH	21/12/2004	Nam	2	28.25	
712	136378	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	16/09/2005	Nữ	2	28.25	
713	138031	PHAN TRÀ MY	06/01/2005	Nữ	2	28.25	
714	127771	NGUYỄN HOÀNG NAM	13/09/2005	Nam	2	28.25	
715	136405	TRẦN HOÀI NAM	12/11/2005	Nam	2	28.25	
716	129056	NGUYỄN HỒ DIỄM NHI	05/01/2005	Nữ	3	28.25	
717	129130	NGUYỄN THANH PHÚ	06/11/2005	Nam	2	28.25	
718	134952	DƯƠNG TRẦN NHẬT TÂN	12/04/2005	Nam	1	28.25	
719	128048	PHẠM HỮU VIỆT THẮNG	29/09/2005	Nam	1	28.25	
720	143977	ĐỖ HOÀNG THIÊN THANH	15/07/2005	Nữ	2	28.25	
721	135004	HÀ THỊ THANH THẢO	10/04/2005	Nữ	2	28.25	
722	138542	NGUYỄN ANH THƯ	27/07/2005	Nữ	2	28.25	
723	138550	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	29/03/2005	Nữ	2	28.25	
724	135118	TRẦN VĂN THUẬN	02/07/2005	Nam	2	28.25	
725	135143	NGUYỄN NGỌC TRÚC THY	09/09/2005	Nữ	2	28.25	
726	138585	TRẦN NGUYỄN KHÁNH THY	24/10/2005	Nữ	1	28.25	
727	129411	VŨ BẢO TRẦN	22/08/2005	Nữ	2	28.25	
728	128222	LƯU MINH TRÍ	30/06/2005	Nam	2	28.25	
729	137253	PHẠM HÀ HẢI YẾN	27/09/2005	Nữ	1	28.25	
730	137282	ĐINH HỒNG HOÀI ÂN	30/03/2005	Nữ	1	28	
731	126276	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN ANH	10/03/2005	Nam	2	28	
732	126307	THÂN CÔNG TUẤN ANH	20/02/2005	Nam	2	28	
733	135603	NGUYỄN HOÀNG ANH	29/11/2005	Nam	2	28	
734	135686	NGUYỄN KHÁNH DUY BẢO	07/09/2005	Nam	2	28	
735	137522	HUỖNH TIẾN DŨNG	01/03/2005	Nam	1	28	
736	137567	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	28/08/2005	Nữ	2	28	
737	137679	NGUYỄN MINH HOÀNG	11/04/2005	Nam	1	28	
738	126504	TRẦN THỊ KIM HỒNG	03/02/2005	Nữ	1	28	
739	137690	VÕ THỊ ÁNH HỒNG	19/12/2005	Nữ	1	28	
740	136043	HỒ THÁI MỸ HƯƠNG	29/06/2005	Nữ	2	28	
741	126541	PHẠM GIA HUY	29/07/2005	Nam	2	28	
742	137753	TRẦN NGỌC HUYỀN	16/08/2005	Nữ	2	28	
743	134126	ĐẶNG NGUYỄN KHANG	10/10/2005	Nam	1	28	
744	136216	BÙI ANH KIẾT	08/08/2005	Nam	1	28	
745	137888	ĐẶNG ĐOÀN PHƯƠNG LINH	05/11/2005	Nữ	2	28	
746	137954	TRẦN HOÀNG LONG	10/09/2005	Nam	2	28	
747	137955	TRỊNH HOÀNG LONG	18/05/2005	Nam	2	28	
748	137961	NGUYỄN THÀNH LUÂN	28/09/2005	Nam	3	28	
749	137986	BÙI LÊ DUY MẠNH	13/12/2005	Nam	2	28	
750	134455	VŨ NGỌC KHIẾT MY	11/09/2005	Nữ	2	28	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
751	138032	TRẦN HÀ KIỀU MY	05/03/2005	Nữ	2	28	
752	138049	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NAM	28/02/2005	Nam	2	28	
753	138091	TRẦN NGỌC THU NGÂN	16/12/2005	Nữ	1	28	
754	127814	PHAN THÀNH NGHIỆP	14/04/2005	Nam	2	28	
755	136480	PHAN THỊ BẢO NGỌC	18/10/2005	Nữ	1	28	
756	138217	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	20/11/2005	Nữ	2	28	
757	126808	NGUYỄN NGỌC OANH	16/11/2005	Nữ	1	28	
758	127988	HÀ TRƯỜNG QUYỀN	14/08/2005	Nam	1	28	
759	138400	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	30/05/2005	Nữ	2	28	
760	128022	PHẠM THÀNH TÀI	08/08/2005	Nam	2	28	
761	129248	NGUYỄN THÀNH TÀI	30/06/2005	Nam	2	28	
762	138441	TRƯỜNG VŨ NGỌC TÂM	27/02/2005	Nam	1	28	
763	136860	NGUYỄN ĐÌNH THI	18/02/2005	Nam	1	28	
764	137013	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	14/01/2005	Nữ	3	28	
765	106319	VÕ ĐĂNG TRÌNH	24/08/2005	Nam	2	28	
766	137078	ĐÌNH QUỐC TRUNG	05/01/2005	Nam	2	28	
767	137104	NGUYỄN VŨ MINH TÚ	29/11/2005	Nữ	2	28	
768	129537	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	01/04/2005	Nữ	1	28	
769	126300	PHẠM NGỌC QUỲNH ANH	10/08/2005	Nữ	2	27.75	
770	128429	VĂN THỊ PHƯƠNG ANH	11/08/2005	Nữ	2	27.75	
771	135580	LÊ ĐOÀN PHƯƠNG ANH	04/03/2005	Nữ	2	27.75	
772	135601	NGUYỄN HÀ THÁI ANH	05/07/2005	Nam	2	27.75	
773	135628	NGUYỄN THỊ KIM ANH	06/09/2005	Nữ	1	27.75	
774	137340	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	11/08/2005	Nữ	2	27.75	
775	137427	PHAN BỘI BỘI	20/05/2005	Nữ	1	27.75	
776	127315	HÀ TÂN MINH ĐẠT	31/07/2005	Nam	1	27.75	
777	127355	TRẦN MINH ĐỨC	11/07/2005	Nam	2	27.75	
778	137516	TRẦN MẠNH ĐỨC	25/03/2005	Nam	1	27.75	
779	133810	LÊ PHƯƠNG DUNG	16/06/2005	Nữ	3	27.75	
780	127404	LƯU NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	12/10/2005	Nam	1	27.75	
781	135936	TRẦN GIA HÂN	12/02/2005	Nữ	2	27.75	
782	135942	TRƯỜNG GIA HÂN	04/05/2005	Nữ	2	27.75	
783	125626	TRỊNH MINH HÙNG	20/01/2005	Nam	1	27.75	
784	136034	NGUYỄN NHẬT HÙNG	23/12/2005	Nam	3	27.75	
785	126532	NGUYỄN ĐỨC HUY	02/03/2005	Nam	1	27.75	
786	127548	TRƯỜNG NHỰT MINH HUY	20/02/2005	Nam	1	27.75	
787	134102	TRỊNH QUỐC HUY	21/10/2005	Nam	1	27.75	
788	136094	TRẦN GIA HUY	27/10/2005	Nam	2	27.75	
789	137739	PHẠM ĐỨC HUY	21/12/2005	Nam	3	27.75	
790	136125	LÊ DUY KHANG	08/08/2005	Nam	2	27.75	
791	139078	ĐÌNH TRẦN MINH KHANG	30/07/2005	Nam	2	27.75	
792	137801	HOÀNG LÂM KHOA	22/11/2005	Nam	1	27.75	
793	128822	LÊ THỊ THIÊN KIM	07/11/2005	Nữ	3	27.75	
794	136234	PHẠM TRÚC LAM	06/01/2005	Nữ	1	27.75	
795	136271	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	14/06/2005	Nữ	3	27.75	
796	137945	NGUYỄN BẢO LONG	27/10/2005	Nam	2	27.75	
797	125810	TRỊNH CHÍ NAM	05/04/2005	Nam	2	27.75	
798	138059	VŨ HOÀNG NAM	24/08/2005	Nam	1	27.75	
799	138109	PHẠM NGỌC PHƯƠNG NGHI	25/05/2005	Nữ	2	27.75	
800	136511	NGUYỄN LƯU ÁNH NGUYỆT	17/12/2005	Nữ	3	27.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
801	126781	PHẠM NGỌC THANH NHI	26/01/2005	Nữ	1	27.75	
802	138215	NGUYỄN NGỌC ĐAN NHI	20/09/2005	Nữ	2	27.75	
803	134687	LÊ NGUYỄN BẢO NHƯ	29/12/2005	Nữ	1	27.75	
804	138287	ĐINH LÊ HỒNG PHONG	26/08/2005	Nam	2	27.75	
805	136678	VŨ THANH PHƯƠNG	17/05/2005	Nữ	1	27.75	
806	138342	NGUYỄN MAI NHẬT PHƯƠNG	21/05/2005	Nam	1	27.75	
807	136690	NGUYỄN MINH QUÂN	23/10/2005	Nam	1	27.75	
808	126882	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	12/11/2005	Nữ	3	27.75	
809	138410	VƯƠNG NGỌC BẢO QUỲNH	19/09/2005	Nữ	1	27.75	
810	136756	ĐINH TUYẾT SAN	02/07/2005	Nữ	2	27.75	
811	134904	NGUYỄN MINH SANG	04/05/2005	Nam	2	27.75	
812	138455	PHẠM HỒNG THẨM	10/12/2005	Nữ	2	27.75	
813	136983	NGUYỄN TRƯỞNG BÁ TÍN	12/04/2005	Nam	3	27.75	
814	127015	CHU BÌNH BẢO TRÂM	10/06/2005	Nữ	2	27.75	
815	137037	NGUYỄN BÙI THU TRANG	16/06/2005	Nữ	2	27.75	
816	137047	NGUYỄN MINH TRÍ	15/08/2005	Nam	2	27.75	
817	135266	LƯƠNG NGUYỄN MAI TRINH	09/06/2005	Nữ	1	27.75	
818	137072	NGUYỄN THANH TRÚC	06/08/2005	Nữ	1	27.75	
819	137123	LÊ TRẦN MINH TÙNG	10/11/2005	Nam	2	27.75	
820	135469	NGUYỄN NGỌC TUỜNG VY	11/10/2005	Nữ	3	27.75	
821	135493	TRẦN YẾN VY	21/09/2005	Nữ	2	27.75	
822	138805	LÊ VŨ KHÁNH VY	13/07/2005	Nữ	1	27.75	
823	128411	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	18/04/2005	Nữ	2	27.5	
824	133552	ĐỖ QUỲNH ANH	02/12/2005	Nữ	1	27.5	
825	135651	TRẦN PHƯƠNG ANH	15/07/2005	Nữ	2	27.5	
826	140338	QUẦN TRẦN TUYẾT ANH	06/02/2005	Nữ	1	27.5	
827	135700	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	15/02/2005	Nữ	1	27.5	
828	166834	NGUYỄN BÍCH CHÂU	01/11/2005	Nữ	1	27.5	
829	135739	ĐOÀN MINH CHÍNH	16/08/2005	Nam	2	27.5	
830	133728	TSAI YI CHUAN	24/06/2005	Nam	1	27.5	
831	137460	NGUYỄN VĂN ĐẠI	01/11/2005	Nam	2	27.5	
832	128500	HUỲNH TUẤN ĐẠT	30/12/2005	Nam	2	27.5	
833	133755	ĐINH TẤN ĐẠT	26/02/2005	Nam	2	27.5	
834	133771	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	12/09/2005	Nam	1	27.5	
835	137486	NGUYỄN QUANG ĐẠT	24/09/2005	Nam	1	27.5	
836	135845	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠO QUANG ANH ĐÌNH	27/12/2005	Nam	1	27.5	
837	137574	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	12/09/2005	Nam	1	27.5	
838	137622	ĐÀO NHƯ HẰNG	13/10/2005	Nữ	1	27.5	
839	133974	NGUYỄN MINH HIẾU	20/08/2005	Nam	1	27.5	
840	134079	NGUYỄN GIA HUY	19/02/2005	Nam	2	27.5	
841	136086	NGUYỄN QUANG HUY	04/02/2005	Nam	2	27.5	
842	136110	ĐẶNG GIA HY	14/03/2005	Nam	2	27.5	
843	137800	ĐỖ ĐẶNG KHOA	16/06/2005	Nam	1	27.5	
844	143625	TRẦN THỊ LỆ	21/11/2005	Nữ	2	27.5	
845	137915	PHẠM KHÁNH LINH	17/07/2005	Nữ	1	27.5	
846	127752	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	27/12/2005	Nữ	2	27.5	
847	127757	PHẠM NHƯ YÊN MY	26/08/2005	Nữ	2	27.5	
848	138064	PHAN THỊ HẰNG NGA	18/02/2005	Nữ	2	27.5	
849	136438	ĐỖ MỘNG GIA NGHI	10/03/2005	Nữ	2	27.5	
850	138097	LA PHƯƠNG NGHI	23/04/2005	Nữ	2	27.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
851	138199	ĐÀO NGỌC BẢO NHI	04/11/2005	Nữ	1	27.5	
852	136641	TRẦN HOÀNG PHÚC	30/03/2005	Nam	2	27.5	
853	127999	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	17/01/2005	Nữ	2	27.5	
854	166350	NGUYỄN LÊ NHƯ QUỲNH	17/12/2005	Nữ	2	27.5	
855	134970	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	08/05/2005	Nam	2	27.5	
856	129333	HỒ THỊ ANH THU	24/08/2005	Nữ	2	27.5	
857	138526	CAO MINH THU	03/04/2005	Nữ	2	27.5	
858	128190	NGUYỄN THANH THỊ NGỌC TRÂM	01/10/2004	Nữ	2	27.5	
859	129432	NGUYỄN VĂN MẠNH TRÍ	12/02/2005	Nam	2	27.5	
860	138744	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	10/12/2005	Nữ	2	27.5	
861	137174	NGUYỄN QUỐC VIỆT	10/02/2005	Nam	1	27.5	
862	137211	LƯƠNG THỊ TƯỜNG VY	22/06/2005	Nữ	2	27.5	
863	137213	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH VY	08/02/2005	Nữ	2	27.5	
864	138845	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	12/07/2005	Nữ	1	27.5	
865	135518	TRẦN NGỌC HOÀNG YÊN	09/12/2005	Nữ	1	27.5	
866	125434	TRẦN THỂ ANH	14/12/2005	Nam	1	27.25	
867	137397	HUỲNH GIA BẢO	03/09/2005	Nam	1	27.25	
868	125469	HỒ THỊ KIM CUÔNG	11/10/2004	Nữ	1	27.25	
869	127388	LÊ ĐÌNH BẢO DUY	21/10/2005	Nam	1	27.25	
870	137610	NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	27/09/2005	Nữ	1	27.25	
871	136046	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	22/09/2005	Nữ	1	27.25	
872	137707	HUỲNH THANH PHI HƯƠNG	02/07/2005	Nữ	1	27.25	
873	128737	PHẠM THANH HUY	08/01/2005	Nam	1	27.25	
874	134069	LÊ KIM HUY	25/02/2005	Nam	1	27.25	
875	134070	LÊ MINH HUY	07/10/2005	Nam	1	27.25	
876	136084	NGUYỄN MAI VĂN HUY	26/02/2005	Nam	1	27.25	
877	143672	NGUYỄN KHÁNH LY	27/08/2005	Nữ	1	27.25	
878	127744	NGUYỄN VĂN MINH	10/05/2005	Nam	1	27.25	
879	136368	VŨ TRẦN QUANG MINH	26/01/2005	Nam	1	27.25	
880	136515	HỒ HOÀNG TRỌNG NHÂN	10/09/2005	Nam	1	27.25	
881	136705	THÂN MINH QUANG	23/08/2005	Nam	1	27.25	
882	138650	TRẦN THỊ MINH TRANG	15/02/2005	Nữ	1	27.25	
883	137111	NGUYỄN MINH TUẤN	20/06/2005	Nam	1	27.25	
884	138714	BÙI THANH TÙNG	05/06/2005	Nam	1	27.25	
885	138777	TRẦN HOÀNG VIỆT	03/05/2005	Nam	1	27.25	
886	137183	LÊ TRẦN ANH VŨ	16/07/2005	Nam	1	27.25	
887	128323	NGUYỄN THANH VY	27/01/2005	Nữ	1	27.25	
888	135652	TRẦN QUỐC ANH	11/08/2005	Nam	1	27	
889	126367	NGUYỄN VĂN MINH ĐAN	15/12/2005	Nam	1	27	
890	128545	VY TỀ DŨNG	03/05/2005	Nam	1	27	
891	125542	NGUYỄN HUỲNH CHÍ HẢI	21/02/2005	Nam	1	27	
892	135988	NGUYỄN NGỌC ÁNH HOA	02/08/2005	Nữ	1	27	
893	137781	TRẦN TRỊNH GIA KHANG	08/11/2005	Nam	1	27	
894	128905	LÊ NGUYỄN MINH Mẫn	02/07/2005	Nam	1	27	
895	136351	NGUYỄN NHƯ MINH	12/06/2005	Nam	1	27	
896	138163	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYÊN	30/09/2005	Nữ	1	27	
897	138254	TẶNG ÁI NHƯ	17/02/2005	Nữ	1	27	
898	126811	NGUYỄN DUY PHÁP	07/02/2005	Nam	1	27	
899	126845	TRẦN THIÊN PHÚC	07/12/2005	Nam	1	27	
900	134959	NGUYỄN HỒNG THÁI	24/06/2005	Nam	1	27	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
901	129499	NGUYỄN QUANG TUẤN	16/04/2005	Nam	1	27	
902	137161	PHẠM THANH VÂN	27/11/2005	Nữ	1	27	
903	137170	TRƯƠNG NGỌC BẢO VI	03/07/2005	Nữ	1	27	